

KẾ HOẠCH
Triển khai Phần mềm thống kê y tế điện tử

Thực hiện Công văn số 426/CNTT-THDL ngày 26/7/2018 của Cục Công nghệ thông tin về việc triển khai Phần mềm Thống kê Y tế điện tử, Sở Y tế xây dựng kế hoạch triển khai Phần mềm thống kê y tế điện tử tại tỉnh Khánh Hòa như sau:

1. Mục tiêu

Đào tạo, tập huấn cán bộ thống kê y tế tuyến tỉnh, huyện, xã sử dụng thành thạo Phần mềm thống kê y tế điện tử.

2. Nội dung

Căn cứ vào tài liệu Hướng dẫn sử dụng phần mềm, hướng dẫn trực tiếp học viên thực hành sử dụng Phần mềm thống kê y tế trên máy tính, bao gồm các nội dung cụ thể sau:

- 2.1. Truy cập và đăng nhập hệ thống;
- 2.2. Cập nhật hồ sơ người dùng;
- 2.3. Nhập dữ liệu, kiểm tra chất lượng dữ liệu và phê duyệt dữ liệu;
- 2.4. Sử dụng báo cáo tổng hợp, báo cáo chuẩn;
- 2.5. Khai thác, phân tích trực quan bảng dữ liệu, biểu đồ và bản đồ;
- 2.5. Bảng điều khiển.

3. Thời gian, địa điểm, thành phần tham dự và hình thức tập huấn

Tổ chức 07 lớp tập huấn Phần mềm thống kê y tế trên máy tính cho khoảng 202 cán bộ phụ trách công tác báo cáo, thống kê y tế và cán bộ công nghệ thông tin tại các đơn vị y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện và tuyến xã với thời gian, địa điểm, thành phần tham dự và hình thức tập huấn cụ thể như sau:

3.1. Thời gian:

- Mỗi lớp 2,5 ngày.
- Số lượng: 7 lớp, mỗi đợt tập huấn song song 02 lớp
- Dự kiến thời gian tổ chức tập huấn: Tháng 10/2018

3.2. Địa điểm: Trung tâm CNTT – Hội tin học tỉnh Khánh Hòa.

3.3. Thành phần tham dự:

Tổng số lượng học viên dự kiến là 202 người, cụ thể như sau:

- Tuyển xã (1 người/đơn vị, 137 người): Trạm Y tế xã, phường, thị trấn
- Tuyển huyện (02 người/đơn vị, 16 người): 08 Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố.
- Tuyển tỉnh:
 - + Sở Y tế (3 người): Phòng Kế hoạch Tài chính, Tổ chức cán bộ và Nghiệp vụ Y.
 - + Các đơn vị tuyển tỉnh (02 người/đơn vị, 46 người): 08 Bệnh viện tuyển tỉnh; 13 Trung tâm tuyển tỉnh; Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm.

Chi tiết theo phụ lục 1 đính kèm.

3.4. *Hình thức tập huấn:* Tập trung, tập huấn lý thuyết và thực hành tại phòng máy (mỗi học viên 1 máy tính). Mỗi lớp 25 -34 học viên, 1 giảng viên chính và 2 trợ giảng.

4. Tổ chức thực hiện:

4.1. Cục Công nghệ thông tin

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế triển khai các nội dung của Kế hoạch này.
- Hỗ trợ kinh phí triển khai tại phần I của Phụ lục 2 đính kèm.
- Tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện và hiệu quả triển khai.

4.2. Sở Y tế Khánh Hòa

- Phối hợp triển khai tập huấn, cử cán bộ tham gia hỗ trợ nhóm giảng viên cùng với Cục Công nghệ thông tin.
- Bố trí kinh phí triển khai tại phần II của Phụ lục 2 đính kèm.
- Phối hợp giám sát, đánh giá kết quả triển khai Phần mềm Thống kê y tế trên địa bàn tỉnh.

4.3. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Y tế

- Cử cán bộ tham gia tập huấn phần mềm thống kê y tế điện tử.
- Triển khai sử dụng phần mềm thống kê y tế điện tử tại đơn vị sau khi hoàn thành khóa tập huấn.

5. Kinh phí

Tổng kinh phí: **198.660.000** đồng (*Bằng chữ: Một trăm, chín mươi tám triệu, sáu trăm sáu mươi ngàn đồng*), trong đó:

- Ngân sách Cục Công nghệ thông tin: **118.600.000** đồng.
- Ngân sách địa phương: **80.060.000** đồng

Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm.

Trên đây là kế hoạch triển khai Phần mềm thống kê y tế điện tử của Sở Y tế tỉnh Khánh Hòa. Kế hoạch này thay thế Kế hoạch 2450/KH-SYT ngày 06/8/2018 của Sở Y tế. /

Nơi nhận:

- Vụ KH-TC;
- Cục CNTT, Bộ Y tế;
- Lãnh đạo Sở (VĐĐT);
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc (VĐĐT);
- Các phòng thuộc Sở (VĐĐT);
- Lưu: VT, VP.

lee
GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Tấn Phùng

Phụ lục 1

DANH SÁCH

**Tham dự lớp tập huấn phần mềm Thống kê Y tế điện tử
tuyến xã/phường/thị trấn**

(Đính kèm Kế hoạch 2509/KH-SYT ngày 09/8/2018 của Sở Y tế)

| STT | Huyện/Thị xã/Thành phố | Xã/Phường/Thị trấn | Số lượng | Lớp |
|-----|------------------------|---------------------|----------|-----------|
| | THÀNH PHỐ NHA TRANG | 27 người/lớp | | Lớp thứ 1 |
| 1 | | Xã Vĩnh Phương | 1 | |
| 2 | | Xã Vĩnh Trung | 1 | |
| 3 | | Xã Vĩnh Thạnh | 1 | |
| 4 | | Xã Vĩnh Ngọc | 1 | |
| 5 | | Xã Vĩnh Hiệp | 1 | |
| 6 | | Xã Vĩnh Thái | 1 | |
| 7 | | Xã Phước Đồng | 1 | |
| 8 | | Xã Vĩnh Lương | 1 | |
| 9 | | Phường Vĩnh Hải | 1 | |
| 10 | | Phường Vĩnh Hòa | 1 | |
| 11 | | Phường Vĩnh Phước | 1 | |
| 12 | | Phường Vĩnh Thọ | 1 | |
| 13 | | Phường Xương Huân | 1 | |
| 14 | | Phường Vạn Thạnh | 1 | |
| 15 | | Phường Vạn Thắng | 1 | |
| 16 | | Phường Phương Sơn | 1 | |
| 17 | | Phường Phương Sài | 1 | |
| 18 | | Phường Ngọc Hiệp | 1 | |
| 19 | | Phường Phước Hải | 1 | |
| 20 | | Phường Phước Tân | 1 | |
| 21 | | Phường Phước Tiến | 1 | |
| 22 | | Phường Phước Hòa | 1 | |
| 23 | | Phường Tân Lập | 1 | |
| 24 | | Phường Lộc Thọ | 1 | |
| 25 | | Phường Phước Long | 1 | |
| 26 | | Phường Vĩnh Nguyên | 1 | |
| 27 | Phường Vĩnh Trường | 1 | | |
| | HUYỆN VẠN NINH | 27 người/lớp | | Lớp thứ 2 |
| 28 | | T.T Vạn Giã | 1 | |
| 29 | | Xã Đại Lãnh | 1 | |
| 30 | | Vạn Long | 1 | |
| 31 | | Xã Vạn Phước | 1 | |
| 32 | | Xã Vạn Thọ | 1 | |
| 33 | | Xã Vạn Bình | 1 | |

| | | | | |
|----|--------------------|---------------------|---|-----------|
| 34 | | Xã Vạn Khánh | 1 | |
| 35 | | Xã Vạn Phú | 1 | |
| 36 | | Xã Vạn Thắng | 1 | |
| 37 | | Xã Vạn Thạnh | 1 | |
| 38 | | Xã Vạn Lương | 1 | |
| 39 | | Xã Xuân sơn | 1 | |
| 40 | | Xã Vạn Hưng | 1 | |
| 41 | HUYỆN CAM LÂM | Suối Tân | 1 | |
| 42 | | Suối Cát | 1 | |
| 43 | | Sơn Tân | 1 | |
| 44 | | Cam Tân | 1 | |
| 45 | | Cam Hòa | 1 | |
| 46 | | Cam Hải Tây | 1 | |
| 47 | | Cam Hải Đông | 1 | |
| 48 | | Cam Đức | 1 | |
| 49 | | Cam Thành Bắc | 1 | |
| 50 | | Cam Phước Tây | 1 | |
| 51 | | Cam An Nam | 1 | |
| 52 | | Cam An Bắc | 1 | |
| 53 | | Cam Hiệp Nam | 1 | |
| 54 | | Cam Hiệp Bắc | 1 | |
| | THỊ XÃ NINH HÒA | 27 người/lớp | | Lớp thứ 3 |
| 55 | Ninh An | 1 | | |
| 56 | Ninh Bình | 1 | | |
| 57 | Ninh Diêm | 1 | | |
| 58 | Ninh Đa | 1 | | |
| 59 | Ninh Đông | 1 | | |
| 60 | Ninh Giang | 1 | | |
| 61 | Ninh Hà | 1 | | |
| 62 | Ninh Hải | 1 | | |
| 63 | Ninh Hưng | 1 | | |
| 64 | Ninh Hiệp | 1 | | |
| 65 | Ninh Ích | 1 | | |
| 66 | Ninh Lộc | 1 | | |
| 67 | Ninh Phú | 1 | | |
| 68 | Ninh Phụng | 1 | | |
| 69 | Ninh Phước | 1 | | |
| 70 | Ninh Quang | 1 | | |
| 71 | Ninh Sim | 1 | | |
| 72 | Ninh Sơn | 1 | | |
| 73 | Ninh Tân | 1 | | |
| 74 | Ninh Tây | 1 | | |
| 75 | Ninh Thân | 1 | | |
| 76 | Ninh Thọ | 1 | | |

| | | | | |
|-----|--------------------------|---------------------|---|-----------|
| 77 | | Ninh Thủy | 1 | |
| 78 | | Ninh Thượng | 1 | |
| 79 | | Ninh Trung | 1 | |
| 80 | | Ninh Xuân | 1 | |
| 81 | | Ninh Vân | 1 | |
| | HUYỆN DIÊN KHÁNH | 27 người/lớp | | Lớp thứ 4 |
| 82 | | T.T Thành | 1 | |
| 83 | | Diên An | 1 | |
| 84 | | Diên Toàn | 1 | |
| 85 | | Diên Thạnh | 1 | |
| 86 | | Diên Lạc | 1 | |
| 87 | | Diên Hòa | 1 | |
| 88 | | Diên Bình | 1 | |
| 89 | | Diên phước | 1 | |
| 90 | | Diên Lộc | 1 | |
| 91 | | Diên Thọ | 1 | |
| 92 | | Diên Phú | 1 | |
| 93 | | Diên Điền | 1 | |
| 94 | | Diên Sơn | 1 | |
| 95 | | Diên Lâm | 1 | |
| 96 | | Diên Đồng | 1 | |
| 97 | | Diên Xuân | 1 | |
| 98 | | Diên Tân | 1 | |
| 99 | | Suối Tiên | 1 | |
| 100 | | Suối Hiệp | 1 | |
| 101 | HUYỆN KHÁNH SƠN | Ba Cùm Bắc | 1 | |
| 102 | | Ba Cùm Nam | 1 | |
| 103 | | Thị trấn Tô Hạp | 1 | |
| 104 | | Sơn Trung | 1 | |
| 105 | | Sơn Hiệp | 1 | |
| 106 | | Sơn Bình | 1 | |
| 107 | | Sơn Lâm | 1 | |
| 108 | | Thành Sơn | 1 | |
| | THÀNH PHỐ CAM RANH | 29 người/lớp | | Lớp thứ 5 |
| 109 | | Cam Thành Nam | 1 | |
| 110 | | Cam Nghĩa | 1 | |
| 111 | | Cam Phúc Bắc | 1 | |
| 112 | | Cam Phúc Nam | 1 | |
| 113 | | Cam Phú | 1 | |
| 114 | | Cam Thuận | 1 | |
| 115 | | Cam Lợi | 1 | |
| 116 | | Cam Lộc | 1 | |
| 117 | | Cam Linh | 1 | |
| 118 | | Cam Bình | 1 | |

| | | | |
|-----|------------------------|----------------|---|
| 119 | | Ba Ngòi | 1 |
| 120 | | Cam Thịnh Đông | 1 |
| 121 | | Cam Thịnh Tây | 1 |
| 122 | | Cam Phước Đông | 1 |
| 123 | | Cam Lập | 1 |
| 124 | HUYỆN KHÁNH VĨNH | Thị Trấn | 1 |
| 125 | | Khánh Thành | 1 |
| 126 | | Khánh Nam | 1 |
| 127 | | Khánh Trung | 1 |
| 128 | | Cầu Bà | 1 |
| 129 | | Giang Ly | 1 |
| 130 | | Sơn Thái | 1 |
| 131 | | Khánh Thượng | 1 |
| 132 | | Khánh Đông | 1 |
| 133 | | Khánh Hiệp | 1 |
| 134 | | Sông Cầu | 1 |
| 135 | | Khánh Phú | 1 |
| 136 | | Liên Sang | 1 |
| 137 | | Khánh Bình | 1 |

Phụ lục 2

DỰ TOÁN KINH PHÍ
Triển khai Phần mềm Thống kê Y tế điện tử - tỉnh Khánh Hòa
 (Đính kèm Kế hoạch số 2509/KH-SYT ngày 09 tháng 8 năm 2018)

| ST T | Nội dung hoạt động | Số người/ lượt/ phòng | Số ngày/ buổi/ đêm | Định mức | Thành tiền | Ghi chú |
|---|--|--------------------------------|-----------------------------|-----------|--------------------|--|
| I | Chi phí giảng dạy do Cục CNTT hỗ trợ (= 1+2) | | | | 118.600.000 | |
| 1 | Chi phí đi lại, ăn ở | | | | 70.600.000 | |
| 1.1 | Vé máy bay chặng Hà Nội - Cam Ranh - Hà Nội | 4*2 | | 3.750.000 | 30.000.000 | |
| 1.2 | Chi phí taxi đoàn đi Khách sạn - Sân bay Cam Ranh | 2 | | 500.000 | 1.000.000 | |
| 1.3 | Chi phí taxi đoàn Hà Nội - Sân bay Nội Bài - Hà Nội | 2 | | 500.000 | 1.000.000 | |
| 1.4 | Chi phí taxi đi lại tại Nha Trang (10 ngày giảng) | 4 | 10 | 100.000 | 4.000.000 | |
| 1.5 | Phụ cấp công tác phí (4 người, 14 ngày) | 4 | 14 | 200.000 | 11.200.000 | Thông tư 40/2017/TT-BTC |
| 1.6 | Chi phí thuê phòng nghỉ (4 người, 13 đêm) | 4 | 13 | 450.000 | 23.400.000 | TT theo thực tế |
| 2 | Chi phí giảng viên, trợ giảng | | | | 48.000.000 | |
| 2.1 | Thù lao giảng viên (2 giảng viên, 10 ngày giảng) | 2 | 10 | 2.000.000 | 40.000.000 | Thông tư 36/2018/TT-BTC |
| 2.2 | Thù lao trợ giảng | 2 | 10 | 400.000 | 8.000.000 | Thông tư liên tịch 19/2012/TTLT - BTC-BKH & ĐT-BTTTT |
| II | Chi phí tổ chức lớp do ngân sách địa phương cấp | | | | 80.060.000 | |
| 1 | Chi phí thuê phòng có kết nối Internet | 2 | 10 | 2.000.000 | 40.000.000 | |
| 2 | Chi phí thuê máy chiếu, màn chiếu | 2 | 10 | 500.000 | 10.000.000 | |
| 3 | Chi phí khẩu hiệu, trang trí | 2 | | 1.000.000 | 2.000.000 | |
| 4 | Chi phí photo tài liệu tập huấn | 202 | - | 30.000 | 6.060.000 | Chi theo thực tế |
| 5 | Chi phí văn phòng phẩm | 202 | - | 10.000 | 2.020.000 | Chi theo thực tế |
| 6 | Chi phí nước giải khát cho học viên, giảng viên, trợ giảng | 226 | 2.5 | 30.000 | 16.950.000 | |
| 7 | Chi phí tổ chức (giữ xe) | 202 | 2.5 | 6.000 | 3.030.000 | |
| TỔNG CỘNG (1+2+3) | | | | | 198.660.000 | |
| Viết bằng chữ: Một trăm chín mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng./. | | | | | | |

DANH SÁCH
Tham dự lớp tập huấn Phần mềm Thống kê Y tế điện tử tuyến tỉnh

| STT | Đơn vị | Số lượng | Lớp |
|---------------------|--|----------|-----------|
| 31 người/lớp | | | Lớp thứ 1 |
| 1 | Sở Y tế | 3 | |
| 2 | Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa | 2 | |
| 3 | Bệnh viện CK Tâm Thần | 2 | |
| 4 | Bệnh viện YHCT & PHCN | 2 | |
| 5 | Bệnh viện Lao & bệnh phổi | 2 | |
| 6 | Bệnh viện Da liễu | 2 | |
| 7 | Bệnh viện Bệnh nhiệt đới | 2 | |
| 8 | Bệnh viện ĐKKV Ninh Hòa | 2 | |
| 9 | Bệnh viện ĐKKV Cam Ranh | 2 | |
| 10 | Trung tâm Huyết học truyền máu | 2 | |
| 11 | Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản | 2 | |
| 12 | Chi cục Dân số - KHHGĐ | 2 | |
| 13 | Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm | 2 | |
| 14 | Trung tâm Y tế dự phòng | 2 | |
| 15 | Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khỏe | 2 | |
| 34 người/lớp | | | Lớp thứ 2 |
| 16 | Trung tâm Giám định Y khoa | 2 | |
| 17 | Trung tâm Pháp Y | 2 | |
| 18 | Trung tâm Kiểm nghiệm | 2 | |
| 19 | Trung tâm Kiểm dịch Y tế quốc tế | 2 | |
| 20 | Trung tâm Nội tiết | 2 | |
| 21 | Trung tâm Cấp cứu 115 | 2 | |
| 22 | Trung tâm phòng chống HIV/AIDS | 2 | |
| 23 | Trung tâm phòng chống sốt rét KST-CT | 2 | |
| 24 | Trung tâm PHCN-GDTE khuyết tật | 2 | |
| 25 | Trung tâm Y tế Nha Trang | 2 | |
| 26 | Trung tâm Y tế Ninh Hòa | 2 | |
| 27 | Trung tâm Y tế Cam Ranh | 2 | |
| 28 | Trung tâm Y tế Cam Lâm | 2 | |
| 29 | Trung tâm Y tế Khánh Sơn | 2 | |
| 30 | Trung tâm Y tế Khánh Vĩnh | 2 | |
| 31 | Trung tâm Y tế Vạn Ninh | 2 | |
| 32 | Trung tâm Y tế Diên Khánh | 2 | |